Tên bài dạy :

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**Thời lượng 2 tiết**

MỤC TIÊU:

**1. Kiến thức- kĩ năng**: Củng cố lại các kiến thức về:

- Nhận biết số hữu tỉ, tập hợp các số hữu tỉ, số đối của một số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ.

- Cách biểu diễn số hữu tỉ trên trục số, so sánh hai số hữu tỉ.

- Cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.

**2. Năng lực:**

Năng lực chung:

* Năng lực tự chủ, tự học và tìm tòi khám phá.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành và vận dụng.

Năng lực riêng:

Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học; sử dụng công cụ và phương tiện trong học toán.

* Tính toán với số hữu tỉ, biểu diễn số hữu tỉ lên trục số.
* Vận dụng quy tắc bỏ dấu ngoặc, tính chất của phép cộng và phép nhân các số hữu tỉ. tính chất phân phối của phép nhân với phép cộng để tính một cách hợp lí.

**3. Phẩm chất:**

Góp phần giúp HS rèn luyện và phát triển các phẩm chất tốt đẹp (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm):

+ Tích cực phát biểu, xây dựng bài và tham gia các hoạt động nhóm;

+ Có ý thức tích cực tìm tòi, sáng tạo trong học tập; phát huy điểm mạnh, khắc phục các điểm yếu của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

 **Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, thước thẳng có chia khoảng.

**Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**
2. **a) Mục tiêu:**

 - HS gợi mở lại kiến thức đã học ở bài 3 và bài 4.

1. **b) Nội dung:** điền vào chỗ chấm để ó công thức đúng, nêu quy tắc chuyển vế
2. **c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu.
3. **d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Nội dung, phương thức tổ chức hoạt động học tập của học sinh**
 | 1. **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động**
 |
| 1. **Bước 1:**
2. - GV yêu cầu HS
3. + Nhắc lại cách tính nhân chia hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa.
4. + Nhắc lại quy tắc chuyển vế đổi dấu. - HS:
5. xm. xn =………..
6. xm: xn =………..
7. (xm)n =………..

**Bước 2**: Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.**Bước 3:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học. | +$x^{m}x^{n}=x^{m+n}$$$x^{m}:x^{n}=x^{m-n}x\ne 0,m\geq n$$1. +$\left(x^{m}\right)^{n}=x^{m⋅n}$
2. Quy tắc chuyển vế: Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức ta phải đổi dấu số hạng đó cụ thể dấu “+” thành dấu “-“, dấu “-“ thành dấu “+”
 |

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

1. **Hoạt động 1: Phân tích Ví dụ 1, Ví dụ 2**
2. **a) Mục tiêu:**
3. - HS hiểu được cách tính lũy thừa có sỗ mũ tự nhiên của số hữu tỉ, thứ tự thực hiện phép tính và áp dụng vào các bài tập tính toán.
4. **b) Nội dung:**
5. - HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung ví dụ về cộng trừ nhân chia số hữu tỉ và biểu diễn số hữu tỉ trên trục số.
6. **c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, hiểu ví dụ được giới thiệu, biết cách trình bày bài.
7. **d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Nội dung, phương thức tổ chức hoạt động học tập của học sinh**
 | 1. **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động**
 |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV yêu cầu HS đọc Ví dụ 1, ví dụ 2 (SGK).- GV hướng dẫn lại cách tính, cách trình bày bài.- Có thể yêu cầu HS nhắc lại:+ Định nghĩa lũy thừa có số mũ tự nhiên của số hữu tỉ.+ Thứ tự thực hiện phép tính nếu có lũy thừa và có dấu ngoặc.- GV chú ý cho HS ở Ví dụ 1, hướng dẫn HS cách viết thập phân khi nhân nó với lũy thừa của 10.- GV nêu câu hỏi về Ví dụ 2:+ Muốn tính A phải thì thứ tự tính là gì?+ Khi tính được lũy thừa rồi thì ta nên sử dụng tính chất gì để tính nhanh.- HS: + Ta phải tính lũy thừa trước, rồi thực hiện các phép nhân.+ Ta có thể sử dụng tính chất phân phối giữa phép nhân và phép cộng.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS đọc bài, suy nghĩ câu trả lời, thảo luận với các bạn.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trả lời câu hỏi về: lũy thừa, thứ tự thực hiện phép tính.- Các HS chú ý lắng nghe.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét về câu trả lời của HS, chốt lại kiến thức.1. - GV nhắc lại vềcách viết số thập phân khi nhân nó với lũy thừa của 10.
 | **Ví dụ 1 (SGK – T23)****Ví dụ 2 (SGK – T23)** |

1. **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**
2. **a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức
3. - Lũy thừa của một số hữu tỉ.
4. - Thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc chuyển vế đổi dấu
5. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các bài toán tìm x, tính một cách hợp lí, các bài tính toán khác.
6. **b) Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức đã học tích cực trao đổi, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập vào phiếu bài tập ở bài tập 1.31 ; 1.33.1.34 SGK
7. **c) Sản phẩm học tập:** HS giải quyết được tất cả các bài tập liên quan đến kiến thức về lũy thừa của số hữu tỉ, thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc chuyển vế đổi dấu ở các bài 1.31 ; 1.33.1.34 SGK.
8. **d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Nội dung, phương thức tổ chức hoạt động học tập của học sinh**
 | 1. **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động**
 |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV tổng hợp các kiến thức cần ghi nhớ cho HS: Lũy thừa của một số hữu tỉ, nhân và chia hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa, thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc chuyển vế.- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đôi hoàn thành phiếu bài tập các bài: **Bài 1.31, Bài 1.33, Bài 1.34** (SGK – Tr24).- Câu hỏi gợi ý của GV Bài 1.31:Muốn tìm x ta phải thực hiện quy tắc gì?- Bài 1.33:+ Hãy xác định thứ tự thực hiện phép tính trong mỗi ý a, b, c.+ Để tính hợp lí có thể nhóm các hạng tử như thế nào? Có thể dùng tính chất gì?- Bài 1.34:+ Ta có thể viết dấu ngoặc nhóm các nhóm như thế nào? Nêu lại quy tắc đặt dấu ngoặc đã học ở lớp 6.+ Để có thể tổng hoặc hiệu bằng 0 thì phải đặt dấu ngoặc như thế nào? Em hãy thử một vài cách để tìm phương án đúng.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi, hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Với các bài tập GV mời một bạn trong nhóm trình bày, giải thích cách làm.- Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài các nhóm trên bảng.- GV có thể hỏi thêm các câu hỏi về kiến thức bài học để nhắc lại cho HS.**Bước 4: Kết luận, nhận định:** - GV chữa bài, chốt đáp án.- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải để HS thực hiện bài tập và tính toán chính xác nhất.- GV nhận xét thái độ làm việc, phương án trả lời của các nhóm học sinh, ghi nhận và tuyên dương. | a) $2x+\frac{1}{2}=\frac{7}{9}$$$2x=\frac{7}{9}-\frac{1}{2}$$$$2x=\frac{5}{18}$$$$x=\frac{5}{18}:2$$1. $x=\frac{5}{36}$

**b)** $\frac{3}{4}-6x=\frac{7}{13}$$$6x=\frac{3}{4}-\frac{7}{13}$$$$6x=\frac{11}{52}$$$$x=\frac{11}{52}:6$$1. $x=\frac{11}{312}$

**Bài 1.33:**a) A = (32,125 – 12,125) – (6,325 + 13,675) – 37= 20 – 20 – 37 = -37.b) B = 4,75 - $\frac{1}{8}$ + 0,25 - $\frac{-9}{8}$ = 4,75 - $\frac{1}{8}$ + 0,25 +.$\frac{9}{8}$= (4,75 + 0,25) + $\left(\frac{9}{8}-\frac{1}{8}\right)$ = 5 + 1 = 6.c) C = 2021,2345.(2020,1234 + (-20020,1234))= 2021,2345. 0 = 0.**Bài 1.34:**2,2 – (3,3 + 4,4 – 5,5) = 0. |

1. **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**
2. **a) Mục tiêu:**
3. - Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.
4. - HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống.
5. **b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm và thực hiện bài tập vận dụng.
6. **c) Sản phẩm:** trả lời được câu hỏi.
7. **d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Nội dung, phương thức tổ chức hoạt động học tập của học sinh**
 | 1. **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động**
 |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS tham gia trò chơi, trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 2 hoàn thành bài tập **Bài 1.32**(SGK – tr24)- Có thể cho HS tìm hiểu trước ở nhà về hình ảnh các loại hồ được nhắc đến ở bài 1.32, phân công mỗi nhóm tìm hiểu về 1 đến 2 hồ. Tìm hiểu về vị trí địa lí, diện tích và hình ảnh của hồ, các đặc điểm nổi bật nếu có của hồ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS tự phân công nhóm trưởng, hợp tác thảo luận đưa ra ý kiến.- GV điều hành, quan sát, hỗ trợ HS.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Câu hỏi trắc nghiệm: HS trả lời nhanh, giải thích, các HS chú ý lắng nghe sửa lỗi sai.- Bài tập: đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, đưa ý kiến.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- HS hợp tác thảo luận đưa ra ý kiến.- GV điều hành, quan sát, hỗ trợ. | **Đáp án trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| D | B | A | A | B | A | C | A | A | A |

1.
 |

1. **Câu hỏi trắc nghiệm:**
2. (GV gọi HS nhanh nhất trả lời, giải thích kết quả).
3. **Câu 1:**Tìm n$\in $N, biết 3n.2n = 216, kết quả là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. n = 6  | B. n = 4 | C. n = 2 | D. n = 3 |

1. **Câu 2:**Tìmn $\in $N, biết $\frac{4^{n}}{3^{n}}=\frac{64}{27}$, kết quả là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. n = 2 | B. n = 3 | C. n = 1 | D. n = 0 |

1. **Câu 3:**Tính $\left(15^{5}:5^{5}\right).\left(3^{5}:6^{5}\right)$

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. $\frac{243}{32}$ | B. $\frac{39}{32}$ | C. $\frac{32}{405}$ | D. $\frac{503}{32}$ |

1. **Câu 4:**Tìm x, biết: $\frac{-8}{11}.x+1=\frac{2}{5}.\frac{1}{4}$

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. $x=\frac{99}{80}$ | B. $x=-\frac{24}{75}$ | C. $x=\frac{11}{90}$ | D. $x=-\frac{99}{80}$ |

**Câu 5:** Tìm x, biết (-5) – x = $\frac{1}{6}$

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. $x=\frac{1}{8}$ | B. $x=-\frac{31}{6}$ | C. $x=\frac{-29}{6}$ | D. $x=\frac{29}{6}$ |

**Câu 6:** Tìm x biết 12x – 0,5.(x – 1) = 0,5

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. $x=0$ | B. $x=1$ | C. $x=\frac{2}{23}$ | D. $x=\frac{-2}{23}$ |

**Câu 7:** Giá trị của biểu thức A = 13,67 +11,24 – (- 186,33) – 21,24 là:

A. 200 B. 210 C. 190 D. 201

**Câu 8:**Giá trị của biểu thức B = $\frac{-16}{7}⋅\frac{11}{21}+\frac{14}{21}⋅\frac{-16}{7}-\frac{18}{21}⋅\frac{-16}{7}$ là:

A.$\frac{-16}{21} $B. $\frac{16}{21}$ C. $\frac{16}{7}$ D. $\frac{-8}{21}$

**Câu 9:** Giá trị của biểu thức C = 2,5 + $\left(\frac{-1}{20}\right)^{0}+\left(\frac{1}{3}\right)^{3}-2⋅\frac{1}{4}$ là:

A. $\frac{82}{27}$ B. . $\frac{-82}{27}$ C. . $\frac{80}{27}$ D. . $\frac{-80}{27}$

**Câu 10:**Tìm x biết: $\frac{2}{5}+\frac{3}{4}:x=-\frac{1}{2}$

A. $\frac{-5}{6}$ B. $\frac{5}{6}$ C. $\frac{-6}{5}$ D. $\frac{6}{5}$

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành các bài tập trong SBT

- Chuẩn bị bài mới “Bài tập cuối chương I”.

- Ôn tập các kiến thức đã học của chương: quy tắc tính toán, biểu diễn số hữu tỉ, quy tắc chuyển vế.

- GV phân công cho HS chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp các kiến thức của chương.